

Số: /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 161/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 02 năm 2026;

Ủy ban nhân dân quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 4, điểm c khoản 9, khoản 12, điểm b khoản 13 của Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý đất đai ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã); đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và đối tượng khác có liên quan đến khu đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Việc bố trí tạm cư trước khi hoàn thành bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 theo hình thức bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế địa phương quyết định hình thức hỗ trợ tổng hợp vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt theo thẩm quyền.

2. Thời gian hỗ trợ tính từ thời điểm người có đất bị thu hồi bàn giao đất thu hồi đến khi được nhận bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư. Trường hợp được giao đất ở tái định cư để tự xây dựng nhà ở thì được cộng thêm 06 tháng để xây dựng nhà mới.

3. Mức hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

a) Mức hỗ trợ

Tại các phường và đặc khu Phú Quốc: 4.000.000 đồng/tháng/hộ đối với hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống, 900.000 đồng/nhân khẩu/tháng đối với hộ có trên 04 nhân khẩu.

Tại các xã và các đặc khu còn lại: 3.000.000 đồng/tháng/hộ đối với hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống, 700.000 đồng/nhân khẩu/tháng với hộ có trên 04 nhân khẩu.

b) Kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Điều 4. Việc bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư để bảo đảm chủ động trong việc bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi chưa được đầu tư khu tái định cư thì được bố trí tái định cư vào khu tái định cư tại địa bàn cấp xã lân cận, trường hợp các xã lân cận có nhiều khu tái định cư thì vị trí bố trí tái định cư thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Khu tái định cư có vị trí gần nhất với khu đất thu hồi;
- b) Khu tái định cư có vị trí phù hợp với phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư tại nơi thu hồi;
- c) Giá đất tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư thấp hơn;
- d) Khu tái định cư có vị trí, hạ tầng thuận lợi hơn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận về số lượng, vị trí khu tái định cư; chịu trách nhiệm về điều kiện bố trí tái định cư của từng người sử dụng đất. Trường hợp chưa thống nhất thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận (xã có khu tái định cư) căn cứ danh sách đối tượng được bố trí tái định cư để chỉ đạo lập thủ tục giao đất ở tái định cư, không chịu trách nhiệm đối với điều kiện được bố trí tái định cư của từng trường hợp theo quy định.

Điều 5. Quy định về biện pháp, mức hỗ trợ khác quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Biện pháp, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quyết định này.

b) Hỗ trợ bằng cơ chế thưởng, điều kiện và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

c) Hỗ trợ tài sản gắn liền đất của hộ gia đình, cá nhân:

- Đối với tài sản gắn liền với đất đã hình thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng không đủ điều kiện bồi thường theo quy định pháp luật (trừ tài sản đã có văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm), mức hỗ trợ tối đa bằng 90% đơn giá bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Đối với tài sản gắn liền với đất đã hình thành sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và trước ngày cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch thì mức hỗ trợ tối đa bằng mức 80% đơn giá bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Khi nhà nước thu hồi nhưng hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 80% mức hỗ trợ quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

đ) Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân tự lo chỗ ở đối với trường hợp nhà ở đã hình thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện giao đất ở, nhà ở tái định cư, không đủ điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 80% diện tích hỗ trợ căn cứ theo diện tích nhà ở bị thu như sau:

- Diện tích nhà bị thu hồi dưới 60m² thì diện tích hỗ trợ là 36 m² áp dụng trên địa bàn các phường và đặc khu Phú Quốc, 45 m² áp dụng đối với địa bàn các xã và các đặc khu còn lại.

- Diện tích nhà ở bị thu hồi từ 60m² trở lên thì diện tích hỗ trợ là 60m².

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định thời điểm hình thành tài sản, tình trạng vi phạm pháp luật của từng trường hợp cụ thể để quyết định áp dụng biện pháp, mức hỗ trợ đối với từng dự án cụ thể nhưng không vượt mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo không trùng lặp chính sách, công bằng giữa những người sử dụng đất.

Điều 6. Quy định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án còn phần diện tích phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm b khoản 13 của Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

Đối với dự án còn một phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

1. Trường hợp chậm phê duyệt do lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì căn cứ quy định của pháp luật có hiệu lực từ ngày Nghị quyết số 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành để thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án.

2. Trường hợp chậm phê duyệt do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đối tượng khác có liên quan thì căn cứ quy định tại thời điểm đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Chi phí thuê đơn vị tư vấn được tính vào chi

phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án” tại đoạn cuối Điều 4 thành cụm từ: “Kinh phí thuê đơn vị tư vấn được tính vào chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau “2. Đối với tài sản, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp khi tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt mà bị thiệt hại thì được bồi thường theo mức độ thiệt hại thực tế.

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm thu hồi đất để lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất (hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng xác định) gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thẩm định đồng thời với thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Kinh phí thuê đơn vị tư vấn được tính vào chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Bổ sung đoạn 5 điểm b khoản 5 Điều 24 như sau “- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền; ban hành quyết định và tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với những trường hợp không chấp hành di dời, bàn giao mặt bằng đúng thời hạn;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 24 như sau “d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã; Đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Bãi bỏ quy định tại đoạn 6 điểm a khoản 5 Điều 24.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ và sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Điều 9. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 02 năm 2026.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương

án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt.

2. Trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị quyết số 254/2025/QH15 và quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định chính sách hỗ trợ khác thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục áp dụng theo chính sách đã được quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP, P.KT, P.NC;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tbtri.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức